

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-PT

Ngày: 21-02-2019

V/v “Tranh chấp Hợp đồng dân
sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2018/TLPT- DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 326/2018/QĐ-PT ngày 26/12/2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 01/2019/QĐ-PT ngày 22/01/2019 và Thông báo mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án dân sự số 76/TB-PT ngày 30/01/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Kiều O, sinh năm: 1963; cư trú tại số 50, đường A, phường Y, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Ninh Chí H, sinh ngày 11/10/1959; cư trú tại hẻm 776/B/4, đường B, phường Y, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Đinh Việt T, sinh năm: 1976; cư trú tại số F/086, ấp N, xã QT, huyện TN, tỉnh Đ; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 2438, quyền 59 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/6/2018 do Văn phòng công chứng Đỗ Hữu Sâm chứng nhận ngày 22/6/2018), có mặt.

Người kháng cáo: Ông Ninh Chí H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2018, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Vũ Thị Kiều O và người đại diện theo ủy quyền của bà O là ông Trần Ngọc T1 thì:

Do có quen biết nhau nên vào năm 2013 bà Vũ Thị Kiều O có cho ông Ninh Chí H vay tiền 03 lần cụ thể: Ngày 26/4/2013 cho vay 100.000.000đ để ông H mua nhà cho con; tháng 8/2013 ông H vay tiếp 30.000.000đ để sửa nhà cho con; tháng 12/2013 ông H vay thêm 20.000.000đ để cho con ông H buôn bán cà phê. Trong cả 03 lần vay này ông H đều viết giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận của mỗi lần vay là 2%/tháng, khi vay ông H hẹn khi nào bán được nhà sẽ trả nợ. Sau đó bà O có đòi nhiều lần nhưng do ông H chưa bán được nhà nên vẫn chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà. Do vậy đến ngày 01/02/2014 giữa bà O và ông H thống nhất chốt lại nợ cho cả 03 lần vay trên là 150.000.000đ và ông H đã viết giấy nhận nợ cho bà O cùng ngày, hai bên thỏa thuận bắt đầu tính lãi suất từ ngày chốt nợ cho số tiền 150.000.000đ là 20.000.000đ/1 năm tương đương lãi suất 1,1%/tháng.

Theo nguyên đơn trình bày thì đến khoảng giữa năm 2015 ông H bán được nhà nhưng vẫn không thực hiện trả nợ gốc và lãi cho bà, bà đã đòi nhiều lần thì đến đầu năm 2016 ông H có trả được 30.000.000đ tiền lãi; từ đó đến nay ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nữa. Nay bà O yêu cầu ông H trả cho bà số tiền 150.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Theo lời trình bày của ông Ninh Chí H và người đại diện theo ủy quyền là ông Đinh Việt T thì từ năm 2010 cho đến năm 2011 ông H có vay tiền nhiều lần của bà O, vay rồi trả, trả xong lại vay với những số tiền khác nhau, lần vay nhiều nhất khoảng 15.000.000đ đến 16.000.000đ, lần vay ít nhất khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ về cho con buôn bán, những lần vay và trả tiền ông không nhớ cụ thể ngày tháng. Đến giữa năm 2012 tổng cộng số tiền vay là 62.000.000đ, bà O tính lãi suất là 5%/tháng. Sau đó đến ngày 26/4/2013 ông có vay thêm bà O số tiền 100.000.000đ cho con buôn bán cà phê, đối với số tiền 100.000.000đ này một tháng sau ngày vay ông H đã trả được 70.000.000đ, số tiền còn lại 30.000.000đ cộng với số tiền nợ trước đó thành 92.000.000đ; bà O cộng gộp tính lãi suất là 4.300.000đ/tháng. Ông đã trả tiền lãi cho bà O từ tháng 5/2011 cho đến cuối năm 2013 được khoảng 110.000.000đ nhưng không có giấy tờ hay chứng cứ gì. Ông H cũng không nhớ cụ thể ngày trả và số tiền lãi trả từng lần. Sau khi bán nhà thì ông H có trả cho bà O 02 lần tiền gốc, trong đó 01 lần được 30.000.000đ và 01 lần được 40.000.000đ, tổng cộng là 70.000.000đ nhưng cũng không có giấy tờ gì. Nay bà O yêu cầu ông H trả 150.000.000đ tiền vay gốc thì ông H chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn nợ lại 22.000.000đ.

Toà án đã tiến hành hoà giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 18/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018; Toà án nhân dân thành phố X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kiều O. Buộc ông Ninh Chí H phải trả cho bà O 150.000.000đ tiền vay gốc.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 05/11/2018, ông Ninh Chí H kháng cáo không đồng ý thanh toán số tiền 150.000.000đ cho bà Vũ Thị Kiều O đồng thời xin được miễn án phí vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

Tại phiên tòa,

Ông Đinh Việt T, người đại diện theo ủy quyền của ông H, vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa bà Vũ Thị Kiều O và ông Ninh Chí H có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản, do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ, giữa các bên lại không thống nhất được với nhau về số tiền đã thanh toán nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Qua xem xét thì thấy rằng việc vay nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, các bên chỉ tranh chấp về số tiền gốc và lãi đã trả. Theo ông H trình bày thì ông đã trả cho bà O rất nhiều lần, hiện nay chỉ còn nợ 22.000.000đ tiền gốc nhưng không xuất trình được căn cứ chứng minh, bà O lại không thừa nhận nên cần căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do có trong hồ sơ để xem xét, đánh giá các lời trình bày của đương sự, đảm bảo cho việc giải quyết vụ án phù hợp với các quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[3] Theo hồ sơ thể hiện thì vào ngày 01/02/2014 ông H viết giấy thừa nhận còn nợ bà O số tiền 150.000.000đ, quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy nhận nợ vừa nêu là do bản thân mình viết và ký ra. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng trong thực tế ông H đã trả nợ cho bà O rất nhiều lần nhưng không xuất trình được các tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[4] Đối với lãi suất, bà O cho rằng sau khi chốt nợ hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,1%/tháng, ông H cho rằng lãi suất là 5%/tháng nhưng không xuất trình được

căn cứ chứng minh, như vậy giữa các bên có tranh chấp lãi suất nên cần áp dụng các quy định của pháp luật để giải quyết. Bà O thừa nhận đã nhận của ông H 30.000.000đ tiền lãi từ năm 2016, xét thấy qua tính toán lãi suất mà ông H phải trả cho bà O kể từ ngày nhận nợ (01/02/2014) đến nay thì cũng đã vượt quá số tiền 30.000.000đ mà ông H đã trả cho bà O nên không cần phải điều chỉnh lại, nguyên đơn cũng không đề nghị tính lãi nên không xem xét.

[5] Đối với kháng cáo của ông H đề nghị được miễn án phí do bản thân là người cao tuổi thì thấy rằng: theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi số 39/2009/QH12 ngày 23/11/2009 thì người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên, theo hồ sơ thể hiện thì ông Ninh Chí H sinh ngày 11/10/1959, tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì ông H chưa đủ 60 tuổi; đối chiếu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông H không thuộc trường hợp được miễn án phí.

[6] Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.
- Căn cứ các Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Ninh Chí H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị Kiều O đối với ông Ninh Chí H về việc “*Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc ông Ninh Chí H phải trả lại cho bà Vũ Thị Kiều O số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Ông Ninh Chí H phải chịu 7.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Vũ Thị Kiều O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà O được

nhận lại số tiền 3.750.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002397 ngày 04/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: Ông Ninh Chí H phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002663 ngày 13/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. Ông H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tp. X, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS tp. X, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Châu Thạch